

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ v/v ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 197/QĐ-ĐHNT ngày 28/02/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang v/v ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGDĐT ngày 09/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo Trung học chuyên nghiệp;

Căn cứ kết quả học tập các lớp đào tạo tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 131 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 102 sinh viên; cấp bằng Trung học chuyên nghiệp cho 01 sinh viên vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	Cộng
1	Công nghệ chế biến thủy sản	01	-	04	05
2	Công nghệ kỹ thuật hoá học	-	-	02	02
3	Công nghệ thực phẩm	01	01	05	07
4	Công nghệ chế tạo máy	01	-	06	07
5	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	01	04	05
6	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	-	-	04	04
7	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	-	04	04
8	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	01	13	14
9	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	-	04	04
10	Công nghệ sinh học	-	01	06	07
11	Công nghệ kỹ thuật ô tô	-	01	02	03
12	Khoa học hàng hải	-	-	02	02
13	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	01	-	08	09

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011 - 2015	K54 2012 - 2016	K55 2013 - 2017	Cộng
14	Công nghệ thông tin	01	-	05	06
15	Ngôn ngữ Anh	01	-	01	02
16	Nuôi trồng thủy sản	-	-	02	02
17	Quản lý nguồn lợi thủy sản	-	-	01	01
18	Quản lý thủy sản	-	-	13	13
19	Hệ thống thông tin quản lý	-	-	02	02
20	Kinh doanh thương mại	-	-	01	01
21	Kinh tế nông nghiệp	-	-	01	01
22	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	05	05
23	Quản trị kinh doanh	-	-	03	03
24	Kế toán	-	-	14	14
25	Tài chính – Ngân hàng	-	-	08	08

B. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 2011-2014	K54 2012-2015	K55 2013-2016	K56 2014-2017	Cộng
1	Công nghệ chế biến thủy sản	-	-	01	05	06
2	Công nghệ thực phẩm	-	-	02	14	16
3	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	-	-	-	09	09
4	Công nghệ kỹ thuật môi trường	-	-	-	09	09
5	Công nghệ sinh học	-	-	01	01	02
6	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	-	-	-	02	02
7	Công nghệ kỹ thuật nhiệt	-	01	03	03	07
8	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	-	-	01	04	05
9	Công nghệ thông tin	01	01	02	05	09
10	Nuôi trồng thủy sản	-	-	01	03	04
11	Kế toán	-	03	01	07	11
12	Kinh doanh thương mại	-	-	-	01	01
13	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	-	-	01	11	12
14	Quản trị kinh doanh	-	01	01	07	09

C. Trung học chuyên nghiệp

TT	Ngành tốt nghiệp	K53 (2011-2013)	Cộng
1	Quản trị mạng máy tính	01	01

Điều 2. Trường phòng, khoa, viện liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung



DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2017

Theo Quyết định số 826 /QĐ-ĐHNT ngày 08 / 9 /2017

Loại hình đào tạo: **Đại học chính quy**

1. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53131443	Đoàn Nhật Nam Tài	12/09/1993	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	53.CBTS-1
2	55130138	Nguyễn Xuân Chương	21/01/1995	Bình Định	Nam	Trung bình	55.CBTS
3	55130355	Lê Kim Gia	01/05/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CBTS
4	55134052	Lương Công Khánh	17/02/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55.CBTS
5	55131975	Võ Nguyễn Trọng Tín	16/10/1994	Bình Định	Nam	Khá	55.CBTS

Danh sách có 05 sinh viên.

2. Công nghệ kỹ thuật hoá học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55134609	Huỳnh Hiệp Khương	06/04/1995	Bình Định	Nam	Khá	55.CNHH
2	55132746	Nguyễn Thị Tố Vi	19/03/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNHH

Danh sách có 02 sinh viên.

3. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53131291	Lê Minh Phụng	22/03/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	53.CNTP-3
2	54130645	Hoàng Tuấn Kiệt	02/12/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.CNTP-1
3	55130852	Vũ Thị Lan	10/01/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.CNTP-2
4	55131104	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	14/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTP-2
5	55131896	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	16/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTP-3
6	55131952	Đoàn Duy Tiến	20/02/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNTP-3
7	55132943	Hoàng Yến	15/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNTP-3

Danh sách có 07 sinh viên.

4. Công nghệ chế tạo máy

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53131858	Nguyễn Minh Trường	18/03/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	53.CTM
2	55134681	Nguyễn Thanh Đạt	18/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CTM
3	55134589	Trần Minh Hải	05/09/1995	Quảng Trị	Nam	Khá	55.CTM
4	55131122	Lâm Minh Nghĩa	25/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CTM
5	55131826	Mai Thành Thông	10/04/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CTM
6	55134412	Phạm Ngọc Thuận	22/11/1994	Phú Yên	Nam	Khá	55.CTM
7	55133553	Nguyễn Hữu Tiến	16/02/1994	Thanh Hoá	Nam	Khá	55.CTM

Danh sách có 07 sinh viên.

5. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130567	Lê Quang Huy	27/07/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54.CDT
2	55130859	Nguyễn Ngọc Lâm	30/10/1994	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CDT
3	55133787	Lương Văn Pin	26/04/1995	Phú Yên	Nam	Khá	55.CDT
4	55134168	Trần Lê Thuận	09/01/1995	Quảng Nam	Nam	Trung bình	55.CDT
5	55134167	Trịnh Việt Vũ	21/02/1995	Gia Lai	Nam	Khá	55.CDT

Danh sách có 05 sinh viên.

6. Công nghệ kỹ thuật cơ khí

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55133550	Trần Việt Anh	22/07/1994	Quảng Trị	Nam	Trung bình	55.KTCK
2	55130163	Nguyễn Chí Cường	28/11/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.KTCK
3	55131829	Phùng Quốc Thông	11/02/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.KTCK
4	55132394	Nguyễn Thanh Xuân	01/04/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KTCK

Danh sách có 04 sinh viên.

7. Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55130532	Lê Như Hiệp	20/12/1995	Thanh Hoá	Nam	Khá	55.CNNL
2	55134082	Vũ Hoàng Linh	04/09/1995	Quảng Nam	Nam	Khá	55.CNNL
3	55131198	Nguyễn Hữu Nhân	20/10/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNNL
4	55134672	Nguyễn Đức Tiến	20/04/1994	Nam Định	Nam	Khá	55.CNNL

Danh sách có 04 sinh viên.

8. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53130584	Trương Lê Hoàng	01/08/1993	Khánh Hòa	Nam	Khá	54.DDT
2	55134369	Bùi Thanh Cường	25/10/1995	Quảng Nam	Nam	Trung bình	55.DDT-1
3	55130782	Nguyễn Duy Khả	21/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.DDT-1
4	55134125	Nguyễn Công Tân	12/02/1995	Quảng Nam	Nam	Khá	55.DDT-1
5	55132672	Phạm Văn Thành	17/07/1995	Hải Dương	Nam	Khá	55.DDT-1
6	55134269	Nguyễn Việt Tiến	16/10/1995	Đắk Lắk	Nam	Khá	55.DDT-1
7	55130174	Nguyễn Xuân Danh	30/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.DDT-2
8	55130202	Lưu Quang Chu Duân	11/04/1994	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	55.DDT-2
9	55131059	Nguyễn Quốc Nam	12/04/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.DDT-2
10	55134337	Nguyễn Quang Như	28/11/1994	Quảng Trị	Nam	Khá	55.DDT-2
11	55131753	Trần Quang Thắng	10/07/1995	Gia Lai	Nam	Trung bình	55.DDT-2
12	55134316	Lê Hữu Triển	01/02/1995	Quảng Trị	Nam	Trung bình	55.DDT-2
13	55132737	Lê Minh Tú	11/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.DDT-2
14	55134643	Phạm Thanh Tùng	27/06/1994	Đắk Lắk	Nam	Khá	55.DDT-2

Danh sách có 14 sinh viên.

9. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55133577	Vũ Quang Hải	23/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNMT-1
2	55130437	Phạm Thị Hạnh	10/04/1994	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	55.CNMT-1
3	55130506	Hồ Văn Hiền	20/01/1995	Bình Định	Nam	Trung bình	55.CNMT-1
4	55131149	Nguyễn Thị Như Ngọc	25/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.CNMT-1

Danh sách có 04 sinh viên.

10. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130199	Huỳnh Thượng Chí	22/05/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54.CNSH
2	55130211	Nguyễn Thị Ngọc Dung	07/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-1
3	55130248	Trương Tấn Duy	02/11/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNSH-1
4	55130424	Nguyễn Thị Thu Hải	15/05/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-1
5	55130860	Nguyễn Thị Phương Lâm	15/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNSH-1
6	55135002	Nguyễn Thị Thuý Linh	25/01/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNSH-1
7	55131514	Đạo Văn Sáng	24/03/1995	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	55.CNSH-2

Danh sách có 07 sinh viên.

11. Công nghệ kỹ thuật ô tô

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54130153	Nguyễn Mạnh Cường	27/01/1994	Bình Định	Nam	Trung bình	54.CNOT
2	55133528	Nguyễn Hoàn Dũng	06/02/1995	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	55.CNOT
3	55133985	Võ Khắc Quang	10/01/1995	Quảng Nam	Nam	Trung bình	55.CNOT

Danh sách có 03 sinh viên.

12. Khoa học hàng hải

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55134037	Trần Văn Cang	15/12/1995	Phú Yên	Nam	Khá	55.KHHH
2	55131360	Nguyễn Đức Phước	21/03/1992	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.KHHH

Danh sách có 03 sinh viên.

13. Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55131417	Nguyễn Đình	24/09/1991	Hà Tĩnh	Nam	Trung bình	53.CNXD-1
2	55133831	Nguyễn Thanh	19/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD
3	55130500	Đặng Công	22/01/1994	Nghệ An	Nam	Trung bình	55.CNXD
4	55134435	Nguyễn Tự	14/06/1995	Bình Định	Nam	Trung bình	55.CNXD
5	55130744	Nguyễn Tiến	22/11/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD
6	55134350	Nguyễn Trọng	16/06/1994	Đắk Lắk	Nam	Khá	55.CNXD
7	55134073	Hoàng Đình	19/05/1995	Nghệ An	Nam	Khá	55.CNXD
8	55131562	Nguyễn Tấn	18/10/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD
9	55131588	Nguyễn Minh	15/05/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNXD

Danh sách có 09 sinh viên.

14. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53130881	Vũ Bảo	14/04/1993	Khánh Hoà	Nam	Khá	53.CNTT
2	55133783	Nguyễn Tiến	15/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNTT-1
3	55133476	Hà Trung	14/10/1991	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55.CNTT-1
4	55131008	Trần Duy	09/08/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.CNTT-1
5	55131024	Nguyễn Phú Hoàng	29/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.CNTT-1
6	55132395	Nguyễn Thị Kim	12/12/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.CNTT-2

Danh sách có 06 sinh viên.

15. Ngôn ngữ Anh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53131256	Ngô Thị Kim	18/01/1992	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	53.TADL-2
2	55133361	Vũ Lê Phương	21/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.NNA-3

Danh sách có 02 sinh viên.

16. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55131564	Nguyễn Trương Tấn	08/09/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.NTTS-2
2	55134070	Bá	01/01/1995	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	55.NTTS-2

Danh sách có 02 sinh viên.

17. Quản lý nguồn lợi thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55132741	Ngô Huỳnh Huyền	03/04/1995	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.QLNL

Danh sách có 01 sinh viên.

18. Quản lý thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55133176	Đoàn Thị Mỹ	01/12/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QLTS
2	55133177	Nguyễn Thị Minh	28/06/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	55.QLTS
3	55133700	Trần Bảo	28/09/1995	Phú Yên	Nam	Khá	55.QLTS
4	55132482	Trịnh Thị Mỹ	13/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QLTS
5	55132776	Đoàn Thị	04/06/1995	Nam Định	Nữ	Khá	55.QLTS
6	55132817	Phạm Thị	25/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QLTS
7	55133047	Lương Nguyễn Phương	20/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QLTS
8	55133372	Nguyễn Đức	04/02/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.QLTS
9	55132908	Cao Huyền	28/04/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55.QLTS
10	55133420	Đặng Thị Thanh	14/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QLTS
11	55133124	Nguyễn Thị Bích	05/11/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QLTS
12	55134169	Lê Thị	20/02/1994	Quảng Nam	Nữ	Khá	55.QLTS
13	55132751	Huỳnh Nhật	24/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QLTS

Danh sách có 13 sinh viên.

19. Hệ thống thông tin quản lý

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55133164	Lưu Nguyễn Quỳnh Anh	03/11/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.TTQL
2	55133888	Đoàn Nhật Biên Thùy	02/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.TTQL

Danh sách có 02 sinh viên.

20. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55133237	Nguyễn Thị Bích Huyền	27/07/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KDTM

Danh sách có 01 sinh viên.

21. Kinh tế nông nghiệp

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55132676	Lê Thị Thu Thảo	09/04/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KTNN

Danh sách có 01 sinh viên.

22. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55131092	Trần Thúy Nga	06/10/1995	Hải Phòng	Nữ	Khá	55.QTDL-1
2	55131101	Lê Hoài Ngân	14/01/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-1
3	55133535	Nguyễn Thị Hoài Phương	12/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.QTDL-1
4	55131872	Hà Thị Thanh Thủy	22/11/1994	Đắk Lắk	Nữ	Khá	55.QTDL-1
5	55133351	Võ Minh Thành	03/02/1995	Bình Định	Nam	Khá	55.QTDL-2

Danh sách có 05 sinh viên.

23. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55132620	Phạm Ngọc Bảo Oanh	26/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.QTKD-1
2	55133536	Phạm Thị Kim Oanh	31/01/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55.QTKD-1
3	55136007	Trương Công Sang	05/10/1995	Khánh Hòa	Nam	Khá	55.QTKD-2

Danh sách có 03 sinh viên.

24. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55130462	Lê Thị Hằng	26/12/1995	Nghệ An	Nữ	Khá	55.KT-1
2	55130577	Lê Thị Hoa	07/03/1995	Nghệ An	Nữ	Khá	55.KT-1
3	55130669	Phạm Thị Hồng	09/07/1995	Hà Nam	Nữ	Khá	55.KT-1
4	55131117	Trương Thị Minh Ngân	12/09/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-1
5	55130286	Lê Thị Minh Đài	11/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KT-2
6	55131906	Đỗ Triệu Anh Thư	09/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-2
7	55132018	Lê Nhật Trang	10/06/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.KT-2
8	55133511	Nguyễn Thị Hải Yến	30/06/1995	Quảng Trị	Nữ	Trung bình	55.KT-2
9	55130209	Nguyễn Thị Mỹ Dung	26/05/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KT-3
10	54130733	Nguyễn Thái Diệu Linh	11/01/1994	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	55.KT-3
11	55133722	Trương Thùy Thảo My	24/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KT-3
12	55133576	Võ Thị Quỳnh Nga	03/07/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.KT-3
13	55133524	Hồ Thị Thanh Ngân	30/09/1995	Gia Lai	Nữ	Khá	55.KT-3
14	55136006	Phạm Thị Thùy Ninh	03/10/1995	Thái Bình	Nữ	Khá	55.KT-3

Danh sách có 14 sinh viên.

25. Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55134723	Lê Thị Hà	24/12/1995	Thanh Hoá	Nữ	Khá	55.TCNH
2	55135018	Lê Nguyễn Hoàng Hiếu	25/10/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.TCNH
3	55130637	Huỳnh Trung Hoàng	13/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	55.TCNH
4	55131146	Nguyễn Phạm Mỹ Ngọc	13/02/1995	Khánh Hoà	Nữ	Khá	55.TCNH

25. Tài chính - Ngân hàng

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
5	55131474	Phan Nghi	22/11/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55.TCNH
6	55134087	Trần Thị Dạ	25/05/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55.TCNH
7	55132240	Nguyễn Thị	22/06/1993	Đồng Nai	Nữ	Trung bình	55.TCNH
8	55135092	Huỳnh Lý Hoàn	16/12/1995	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	55.TCNH

Danh sách có 08 sinh viên.

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2017

Theo Quyết định số 826 /QĐ-ĐHNT ngày 08 / 9 /2017

Loại hình đào tạo: **Cao đẳng chính quy**

1. Công nghệ chế biến thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55161209	Trần Thị ái	26/06/1995	Bình Định	Nữ	Trung bình	55C.CBTS
2	56162082	Lê Ngọc ánh	27/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CBTS
3	56161049	Nguyễn Hùng	12/08/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	56C.CBTS
4	56163536	Mai Thị Nguyên	14/09/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56C.CBTS
5	56162822	Nguyễn Thị Bích	01/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CBTS
6	56161595	Nguyễn Thị Xuân	15/04/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CBTS

Danh sách có 06 sinh viên.

2. Công nghệ thực phẩm

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55160552	Trần Thị Tuyết	02/05/1995	Bắc Giang	Nữ	Trung bình	55C.CNTP-2
2	55162194	Nguyễn Thị Hoàng	27/08/1995	Ninh Thuận	Nữ	Khá	55C.CNTP-2
3	56160273	Nguyễn Thị Xuân	05/01/1996	Bình Định	Nữ	Khá	56C.CNTP-1
4	56160821	Nguyễn Thị Hà	01/02/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.CNTP-1
5	56161743	Nguyễn Thị Hồng	27/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNTP-1
6	56161737	Mai Thị Mỹ	06/12/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNTP-1
7	56160693	Nguyễn Thị Hồng	09/02/1996	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.CNTP-1
8	56160173	Nguyễn Thị Huyền	26/07/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56C.CNTP-1
9	56163118	Nguyễn Thị Mai	26/03/1996	Lâm Đồng	Nữ	Khá	56C.CNTP-2
10	56160151	Phạm Văn Linh	29/10/1996	Quảng Ngãi	Nam	Trung bình	56C.CNTP-2
11	56161921	Huỳnh Mỹ Ngọc	12/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNTP-2
12	56160459	Nguyễn Hữu Nhất	16/01/1996	Bình Định	Nam	Khá	56C.CNTP-2
13	56163192	Nguyễn Khắc Quang	16/07/1996	Ninh Thuận	Nam	Khá	56C.CNTP-2
14	56163470	Trần Nguyễn Bảo Trâm	21/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNTP-3
15	56161235	Tổng Phước Trục	07/01/1996	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	56C.CNTP-3
16	56162464	Huỳnh Trung Anh	27/12/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CNTP-3

Danh sách có 16 sinh viên.

3. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	56160940	Lê Thanh Bình	10/03/1996	Phú Yên	Nam	Trung bình	56C.DDT
2	56163153	Võ Chí Cường	08/03/1996	Ninh Thuận	Nam	Khá	56C.DDT
3	56160472	Huỳnh Bảo Duy	01/09/1996	Bình Định	Nam	Khá	56C.DDT
4	56163414	Ngô Quốc Đạt	24/04/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.DDT
5	56161769	Nguyễn Chí Khang	14/04/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.DDT
6	56161918	Trần Quốc Khánh	07/01/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.DDT
7	56161108	Trần Trung Lập	12/01/1996	Phú Yên	Nam	Khá	56C.DDT
8	56162950	Nguyễn Minh Quân	29/10/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.DDT
9	56162252	Lương Văn Vũ	20/12/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.DDT

Danh sách có 09 sinh viên.

4. Công nghệ kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	56162441	Trần Nhật Cường		24/06/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNMT
2	56162905	Huỳnh Phương Hoài Điệp		27/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNMT
3	56163542	Phạm Thị Mỹ Liên		16/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNMT
4	55161925	Lê Thanh Luân		14/03/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNMT
5	56160763	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhiên		08/05/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56C.CNMT
6	56162727	Lê Thị Thanh Phương		25/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNMT
7	56162435	Phạm Thị Phụng		23/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.CNMT
8	56161511	Phùng Thị Linh Trang		13/03/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNMT
9	56160783	Lê Thị Kim Trúc		12/04/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56C.CNMT

Danh sách có 09 sinh viên.

5. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55161536	Nguyễn Văn Bình		30/05/1995	Phú Yên	Nam	Trung bình	55C.CNSH
2	56163060	Cao Thị Mỹ Lệ		10/02/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.CNSH

Danh sách có 02 sinh viên.

6. Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	56161385	Huỳnh Thái Hưng		18/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CDT
2	56163012	Trần Thế Trung		12/09/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CDT

Danh sách có 02 sinh viên.

7. Công nghệ kỹ thuật nhiệt

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54160654	Phạm Thanh Tài		09/04/1994	Khánh Hoà	Nam	Khá	54C.CNNL
2	55160293	Nguyễn Nhất Hợp		10/10/1995	Bình Định	Nam	Trung bình	55C.CNNL
3	55160450	Văn Hùng Thanh Minh		21/10/1995	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	55C.CNNL
4	55163334	Phan Danh Phú		31/01/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNNL
5	56161773	Đặng Minh Huy		17/12/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CNNL
6	56161240	Nguyễn Thành Tân		13/01/1995	Đắk Lắk	Nam	Khá	56C.CNNL
7	56165009	Nguyễn Minh Thịnh		25/09/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CNNL

Danh sách có 07 sinh viên.

8. Công nghệ kỹ thuật xây dựng

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55160923	Đặng Quốc Tuấn		02/07/1995	Bình Định	Nam	Trung bình	55C.CNXD
2	56161364	Nguyễn Văn Đức		12/06/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNXD
3	56165051	Nguyễn Quốc Khánh		01/09/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNXD
4	56161716	Ngô Quốc Lập		12/08/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CNXD
5	56161878	Lương Tất Thắng		11/12/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNXD

Danh sách có 05 sinh viên.

9. Công nghệ thông tin

TT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53160555	Nguyễn Anh Khoa		26/12/1992	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	53C.CNTT
2	54160807	Đặng Ngọc Toàn		01/04/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.CNTT
3	55161050	Lê Thành Danh		20/05/1995	Bình Định	Nam	Khá	55C.CNTT
4	55160664	Lê Hoàng Sang		25/10/1991	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	55C.CNTT
5	56162708	Phạm Nhật Minh		10/11/1996	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	56C.CNTT
6	56161560	Nguyễn Văn Quốc		15/07/1996	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.CNTT
7	56161451	Huỳnh Bình Thuận		03/02/1995	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.CNTT
8	56165007	Huỳnh Hà Kiều Trang		17/12/1996	Bình Định	Nữ	Trung bình	56C.CNTT
9	56163207	Trần Thị Hồng Trân		07/06/1996	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	56C.CNTT

Danh sách có 09 sinh viên.

10. Nuôi trồng thủy sản

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55162028	Kiên Hữu Nhân	01/01/1995	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	55C.NTTS
2	56163445	Giảng Thị Minh Dung	10/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.NTTS
3	56163081	Nguyễn Đức Hiếu	02/06/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.NTTS
4	56163148	Châu Thị Hồng Vân	21/04/1994	Ninh Thuận	Nữ	Khá	56C.NTTS

Danh sách có 04 sinh viên.

11. Kế toán

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53160405	Lê Thị Thu Hiền	02/01/1993	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.KT-2
2	53160921	Nguyễn Anh Phương	15/07/1993	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	54C.KT-2
3	54160692	Tạ Thị Bích Thảo	20/03/1993	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	54C.KT-2
4	55160280	Nguyễn Khánh Hòa	30/01/1995	Phú Yên	Nữ	Trung bình	55C.KT-1
5	56160200	Đặng Thị Diễm	26/01/1996	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	56C.KT-1
6	56160456	Nguyễn Thị Thùy Dung	28/06/1996	Bình Định	Nữ	Trung bình	56C.KT-1
7	56160457	Nguyễn Thị Thu Hà	02/04/1996	Bình Định	Nữ	Trung bình	56C.KT-1
8	56161154	Trình Thị Ngọc	10/03/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56C.KT-1
9	56162232	Vũ Trần Thảo Nguyên	19/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.KT-1
10	56160572	Nguyễn Thị Thanh Tâm	01/05/1995	Phú Yên	Nữ	Khá	56C.KT-2
11	56163089	Nguyễn Thị Vân	13/02/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56C.KT-2

Danh sách có 11 sinh viên.

12. Kinh doanh thương mại

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	56161576	Ngô Thị An	12/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.KDTM

Danh sách có 01 sinh viên.

13. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	55161036	Trần Thị Can	04/01/1995	Bình Định	Nữ	Khá	55C.QTDL
2	56160638	Ngô Thị Bích Diễm	24/07/1996	Phú Yên	Nữ	Trung bình	56C.QTDL-1
3	56162000	Võ Thị Mỹ Oanh	04/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTDL-1
4	56162351	Nguyễn Quốc Đạt	09/09/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.QTDL-2
5	56161287	Đặng Thị Huy Hoàng	06/01/1996	Đắk Lắk	Nữ	Khá	56C.QTDL-2
6	56163499	Trần Quốc Tài	01/12/1995	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.QTDL-2
7	56162703	Võ Thị Phụng Tiên	03/11/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-2
8	56163152	Quảng Ngọc Trường	08/06/1995	Ninh Thuận	Nam	Trung bình	56C.QTDL-2
9	56162357	Trần Thị Thanh Tuyền	06/08/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTDL-2
10	56162029	Nguyễn Thị Ngọc Tuyền	06/07/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTDL-2
11	56162004	Nguyễn Thị ánh Vân	20/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-2
12	56162602	Trương Thị Huyền Vân	18/06/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTDL-2

Danh sách có 12 sinh viên.

14. Quản trị kinh doanh

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	54160091	Trần Thị Diễm Chi	22/03/1994	Khánh Hoà	Nữ	Khá	54C.QTKD-1
2	55163066	Phạm Thị Thủy Tiên	23/08/1995	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	55C.QTKD-2
3	56162261	Hoàng Quốc Duy	16/12/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.QTKD-1
4	56162609	Nguyễn Anh Dũng	20/05/1996	Khánh Hoà	Nam	Trung bình	56C.QTKD-1
5	56165052	Nguyễn Thị Thanh Huyền	13/10/1996	Khánh Hoà	Nữ	Khá	56C.QTKD-1
6	56162019	Huỳnh Thị Hồng Phương	18/09/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-2
7	56163435	Phan Thị Thu Thủy	04/05/1996	Nghệ An	Nữ	Trung bình	56C.QTKD-2
8	56162036	Huỳnh Thị Huyền Trang	16/08/1995	Ninh Thuận	Nữ	Khá	56C.QTKD-2
9	56161425	Nguyễn Thành Trung	06/07/1992	Khánh Hoà	Nam	Khá	56C.QTKD-2

Danh sách có 09 sinh viên.

15



Loại hình đào tạo: **Trung học chuyên nghiệp**

1. Quản trị mạng máy tính

TT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Lớp
1	53170738	Nguyễn Phúc Thành	31/12/1990	Khánh Hoà	Nam	Khá	53T.TH-2
Danh sách có 01 sinh viên.							

102